

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
ĐƠN VỊ: KHOA LUẬT

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 3, năm học 2023-2024

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Công Pháp Quốc Tế		
Mã học phần:	71LAWS40023	Số tín chỉ:	3
Mã nhóm lớp học phần:	233_71LAWS40023_01,02,03,04		
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	75	phút
<i>Thí sinh chỉ được tham khảo tài liệu bằng giấy:</i>	<input checked="" type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không	

1. Format đề thi

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Tên các phương án lựa chọn: **in hoa, in đậm**
- Không sử dụng nhảy chữ/số tự động (numbering)
- Mặc định phương án đúng luôn luôn là Phương án A ghi ANSWER: A
- Tổng số câu hỏi thi:
- Quy ước đặt tên file đề thi:
 - + Mã học phần_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1
 - + Mã học phần_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1_Mã đề (*Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi*).

2. Giao nhận đề thi

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: khaothivanlang@gmail.com bao gồm file word và file pdf (*nén lại và đặt mật khẩu file nén*) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhật Linh).

- Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng **File Hot Potatoes**. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ Quý Thầy Cô.

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO 1	Hiểu được đặc điểm của Luật Quốc Tế (LQT), mối quan hệ giữa LQT và Luật quốc gia; Hiểu được các nguyên tắc cơ bản của LQT và những trường hợp ngoại lệ của các nguyên tắc cơ bản	Trắc nghiệm	45%	Câu 1 -> Câu 20	3.5	
CLO 2	Phân biệt được điều ước quốc tế và tập quán quốc tế, phân biệt được nguồn cơ bản của LQT và các phương tiện hỗ trợ	Trắc nghiệm	35%	Câu 21 -> Câu 32	4.5	

	nguồn, phân biệt được quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao với quyền ưu đãi miễn trừ lãnh sự, phân biệt được lãnh thổ quốc gia và lãnh thổ quốc tế, các bộ phận cấu thành lãnh thổ quốc gia; phân biệt được bộ phận cấu thành biên giới quốc gia					
CLO 4	Vận dụng được các kiến thức của LQT để đưa vào thực tiễn đời sống quốc tế	Tự luận	20%	Câu hỏi số 1,2 tự luận	2	

Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) Nêu nội dung của CLO tương ứng.

(3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

(4) Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).

(5) Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.

(6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.

(7) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.

III. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (32 câu, 0.25 điểm/câu)

Anh/chị hãy chọn phương án đúng nhất trong những câu sau đây

Luật quốc tế là:

- A. Hệ thống pháp luật độc lập và có sự tác động với hệ thống pháp luật quốc gia
- B. Hệ thống pháp luật phức hợp bao gồm cả pháp luật quốc gia
- C. Ngành luật điều chỉnh quan hệ giữa các chủ thể luật quốc tế
- D. Một hệ thống pháp luật tồn tại phụ thuộc vào pháp luật quốc gia và có giá trị pháp lý thấp hơn pháp luật quốc gia

ANSWER: A

Đối tượng điều chỉnh của Luật quốc tế là:

- A. Các quan hệ giữa các chủ thể luật quốc tế với nhau.
- B. Các quan hệ liên quốc gia
- C. Các quan hệ giữa các quốc gia thành viên Liên Hợp quốc
- D. Các quan hệ có yếu tố quốc tế

ANSWER: A

Luật quốc tế và luật quốc gia là hai hệ thống pháp luật:

- A. Độc lập nhưng có sự tác động qua lại lẫn nhau
- B. Thống nhất
- C. Độc lập
- D. Biệt lập

ANSWER: A

Tính tất yếu của sự tồn tại mối quan hệ biện chứng giữa luật quốc tế với luật quốc gia xuất phát từ những cơ sở:

- A. Quốc gia vừa là chủ thể xây dựng và thực thi, tuân thủ luật quốc gia cũng như luật quốc tế và thực hiện chức năng đối nội và đối ngoại của nhà nước.
- B. Quốc gia bắt buộc phải ưu tiên áp dụng luật quốc tế.
- C. Quốc gia bắt buộc phải ưu tiên áp dụng luật quốc gia.
- D. Quốc gia có quyền lựa chọn áp dụng bất kỳ biện pháp cưỡng chế nào để bảo vệ lợi ích của mình.

ANSWER: A

Giải quyết xung đột giữa luật quốc tế và luật quốc gia:

- A. Quốc gia thường ưu tiên áp dụng các quy phạm luật quốc tế để giải quyết.
- B. Ban hành những văn bản quy phạm pháp luật mới.
- C. Quốc gia chỉ cần sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật đang hiện hành.
- D. Các quy phạm pháp luật quốc tế chỉ có thể áp dụng sau khi đã được nội luật hóa

ANSWER: A

Luật quốc tế có đối tượng điều chỉnh:

- A. Đó là những quan hệ có tính chất liên quốc gia phát sinh trong đời sống quốc tế, thuộc tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội,...
- B. Các quan hệ xã hội phát sinh trong đời sống quốc tế
- C. Là các quan hệ hai bên hoặc nhiều bên
- D. Đó là các quan hệ về chính trị và thương mại

ANSWER: A

Pacta sunt servanda là:

- A. Tận tâm thực hiện các cam kết quốc tế.
- B. Bảo vệ Hiến chương Liên Hợp quốc;
- C. Tuân thủ các thỏa thuận quốc tế
- D. Tôn trọng quyền con người;

ANSWER: A

Giải quyết hòa bình các tranh chấp quốc tế là:

- A. Nghĩa vụ pháp lý quốc tế của quốc gia;
- B. Quyền của các quốc gia;
- C. Quyền tùy nghi của các quốc gia
- D. Quyền dựa trên sự lựa chọn của quốc gia

ANSWER: A

Hành động sử dụng vũ lực bị coi là vi phạm luật quốc tế khi quốc gia đó:

- A. Dùng lực lượng quân sự oanh tạc lãnh thổ quốc gia khác
- B. Dùng lực lượng quân sự để tự vệ
- C. Dùng lực lượng quân sự tham gia vào lực lượng gìn giữ hòa bình
- D. Dùng lực lượng quân sự theo quyết định của Hội đồng bảo an

ANSWER: A

Nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế là:

- A. Những quy phạm mệnh lệnh của luật quốc tế.
- B. Những quy phạm của luật quốc tế.
- C. Những quy phạm có tính chất bất biến.
- D. Những nguyên tắc này đều có những ngoại lệ

ANSWER: A

Trong các trường hợp sau đây, quốc gia được sử dụng vũ lực:

- A. Tự vệ cá thể hoặc tập thể khi bị tấn công vũ trang và phải thông báo cho Hội đồng bảo an Liên hợp quốc
- B. Theo quyết định của đại hội đồng Liên hợp quốc
- C. Thực hiện biện pháp “phòng ngừa” chiến tranh khi xét thấy cần thiết

D. Giải quyết tranh chấp quốc tế

ANSWER: A

“Những quy phạm mang tính bắt buộc chung” đó là một trong những:

- A. Đặc điểm của nguyên tắc cơ bản
- B. Vai trò của các nguyên tắc cơ bản
- C. Ý nghĩa thực tiễn của các nguyên tắc cơ bản
- D. Điều kiện bắt buộc của các nguyên tắc cơ bản

ANSWER: A

Một trong những vai trò của các nguyên tắc cơ bản là:

- A. Thước đo giá trị hợp pháp của các quy phạm điều ước và các quy phạm tập quán
- B. Có mối quan hệ với nhau trong một chỉnh thể thống nhất
- C. Mang tính mệnh lệnh bao trùm
- D. Là tổng quát hóa toàn bộ nội dung của các quy phạm điều ước và quy phạm tập quán

ANSWER: A

Nguyên tắc cấm dùng vũ lực và đe dọa dùng vũ lực trong quan hệ quốc tế là nguyên tắc:

- A. Các quốc gia có thể dùng vũ lực để tự vệ
- B. Các quốc gia không được dùng vũ lực trong bất cứ trường hợp nào
- C. Không có một chủ thể nào của luật quốc tế được dùng vũ lực
- D. Chỉ những dân tộc đang đấu tranh giành độc lập mới có quyền dùng vũ lực

ANSWER: A

Nguồn của luật quốc tế:

- A. Gồm cả quy phạm thành văn và quy phạm bất thành văn
- B. Là sự thể hiện bằng văn bản những thỏa thuận giữa các chủ thể luật quốc tế
- C. Chỉ bao gồm những quy phạm tập quán
- D. Các phương thức hỗ trợ nguồn cũng chính là nguồn của luật quốc tế

ANSWER: A

Văn bản sau đây không phải là Điều ước quốc tế:

- A. Tuyên ngôn độc lập
- B. Hiến chương
- C. Nghị định thư
- D. Tuyên bố chung

ANSWER: A

Bảo lưu điều ước quốc tế là :

- A. Một quyền
- B. Một nghĩa vụ
- C. Vừa là quyền vừa là nghĩa vụ
- D. Vấn đề còn đang tranh cãi

ANSWER: A

Tên gọi cho từng loại điều ước quốc tế là do:

- A. Các chủ thể ký kết điều ước quốc tế đó thỏa thuận quy định.

- B. Được quy định cụ thể trong luật quốc tế.
- C. Do từng quốc gia thành viên quy định.
- D. Nước chủ nhà tổ chức lễ ký kết điều ước quốc tế đó quy định.

ANSWER: A

Theo pháp luật Việt Nam điều ước quốc tế có thể được áp dụng:

- A. Trực tiếp hoặc gián tiếp
- B. Sau khi được nội luật hóa
- C. Sau khi được quốc hội cho phép
- D. Sau khi được chủ tịch nước phê chuẩn

ANSWER: A

Bảo lưu điều ước quốc tế là hành vi nhằm:

- A. Loại trừ hoặc thay đổi hiệu lực của một hoặc một vài điều khoản của điều ước quốc tế
- B. Loại trừ hiệu lực của điều ước quốc tế
- C. Thay đổi hiệu lực của điều ước quốc tế
- D. Chấp nhận ràng buộc hiệu lực của điều ước quốc tế.

ANSWER: A

Giải thích điều ước quốc tế là hành vi:

- A. Làm sáng tỏ nội dung của điều ước quốc tế
- B. Công nhận hiệu lực của điều ước quốc tế
- C. Điều chỉnh nội dung của điều ước quốc tế
- D. Chuyển hóa điều ước quốc tế vào pháp luật quốc gia để thực hiện

ANSWER: A

Các phương tiện hỗ trợ nguồn bao gồm:

- A. Phán quyết của tòa án quốc tế liên hợp quốc, nghị quyết của tổ chức quốc tế liên chính phủ, học thuyết của các luật gia danh tiếng về luật quốc tế, hệ thống các hành vi đơn phương của quốc gia.
- B. Các nguyên tắc chung của pháp luật, phán quyết của tòa án quốc tế liên hợp quốc
- C. Phán quyết của tòa án quốc tế liên hợp quốc, nghị quyết của tổ chức quốc tế liên chính phủ
- D. Các nguyên tắc chung của pháp luật, học thuyết của các luật gia danh tiếng về luật quốc tế

ANSWER: A

Theo pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước thuộc thẩm quyền phê chuẩn của:

- A. Chủ tịch nước hoặc Quốc hội
- B. Chủ tịch nước
- C. Quốc hội
- D. Chính phủ

ANSWER: A

Điều ước quốc tế và tập quán quốc tế có những đặc điểm giống nhau là:

- A. Chúng đều có hiệu lực pháp lý ngang nhau.
- B. Chúng đều không dựa trên sự thỏa thuận.
- C. Chúng đều không cần phải phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế.
- D. Chúng đều không có vai trò điều chỉnh quan hệ song phương.

ANSWER: A

Công nhận chính phủ mới:

- A. Chỉ đặt ra đối với chính phủ De facto.
- B. Là công nhận một chủ thể mới của Luật quốc tế.
- C. Không phải là sự công nhận người đại diện “hợp pháp” cho quốc gia đó trong sinh hoạt quốc tế.
- D. Không áp dụng cho chính phủ của một quốc gia mới thành lập

ANSWER: A

Vấn đề công nhận trong Luật quốc tế:

- A. Không tạo nên tư cách chủ thể của luật quốc tế đối với thực thể được công nhận.
- B. Là điều kiện bắt buộc để 1 quốc gia trở thành chủ thể của Luật quốc tế.
- C. Là điều kiện, phương tiện chính trị để các quốc gia thiết lập quan hệ với nhau trong quan hệ quốc tế vì lợi ích của quốc gia công nhận.
- D. Là nghĩa vụ của các quốc gia hiện hữu trong cộng đồng quốc tế đối với một quốc gia mới xuất hiện.

ANSWER: A

Quyền năng chủ thể của một chủ thể luật quốc tế:

- A. Không phụ thuộc vào sự công nhận của bất cứ chủ thể nào khác của luật quốc tế.
- B. Do chủ thể đó tự quy định.
- C. Do sự công nhận của chủ thể khác của Luật quốc tế đem lại.
- D. Do Liên Hiệp Quốc quy định.

ANSWER: A

Các vùng biển thuộc quyền tài phán quốc gia là:

- A. Nội thủy và lãnh hải.
- B. Nội thủy, lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.
- C. Vùng tiếp giáp lãnh hải, đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.
- D. Vùng tiếp giáp lãnh hải, lãnh hải.

ANSWER: A

Biên giới quốc gia ven biển là đường:

- A. Song song với đường cơ sở và cách đường cơ sở một khoảng cách không quá 12 hải lý.
- B. Vuông góc hoặc giáp cạnh mà các quốc gia hữu quan thỏa thuận quy định.
- C. Chính là đường cơ sở.
- D. Song song với đường cơ sở và cách đường cơ sở một khoảng cách không quá 6 hải lý

ANSWER: A

Vùng nước thuộc lãnh thổ quốc gia bao gồm:

- A. Vùng nước nội địa, nội thủy, vùng nước biên giới
- B. Vùng nước nội địa, nội thủy, vùng nước biên giới, lãnh hải
- C. Vùng nước nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải và vùng nước biên giới
- D. Vùng nước biên giới, vùng nước nội thủy

ANSWER: A

Thành viên của một cơ quan đại diện ngoại giao là:

- A. Tất cả những viên chức ngoại giao công tác trong cơ quan đại diện ngoại giao đó.
 B. Tất cả những người có hàm và chức vụ ngoại giao
 C. Tất cả những người công tác trong cơ quan đại diện ngoại giao
 D. Tất cả những người có hàm ngoại giao

ANSWER: A

Trường hợp nước cử đại diện không có viên chức ngoại giao nào ở nước sở tại thì nước cử đi có thể:

- A. Đóng cửa cơ quan ngoại giao nước mình
 B. Nhờ một viên chức ngoại giao của nước sở tại đảm nhiệm các công việc của cơ quan
 C. Chỉ định một nhân viên hành chính – kỹ thuật điều hành các công việc của cơ quan với sự đồng ý của nước sở tại
 D. Chỉ định một viên chức phục vụ điều hành các công việc của cơ quan với sự đồng ý của nước sở tại

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (2 + 1đ/câu)

Anh/chị hãy cho biết các khẳng định sau đây đúng hay sai? Giải thích tại sao?

1. Cư trú chính trị là quyền của mỗi cá nhân nên không cần phải tuân thủ bất cứ điều kiện nào

2. Bị tước quốc tịch và đương nhiên mất quốc tịch là hoàn toàn giống nhau


ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm		8.0	
Câu 1 - 32	A	0.25/1 câu	Nhờ Phòng khảo thí trộn câu hỏi và đáp án
II. Tự luận		2.0	
Câu 1	1. Cư trú chính trị là quyền của mỗi cá nhân nên không cần phải tuân thủ bất cứ điều kiện nào - Sai - Có 2 điều kiện để được cư trú chính trị: phải có quan điểm bất đồng với nhà nước mà người đó là công dân về chính trị, tôn giáo, khoa học kỹ thuật; và bị nhà nước đó truy nã	(0,25 đ) (0,75đ)	
Câu 2	2. Bị tước quốc tịch và đương nhiên mất quốc tịch là hoàn toàn giống nhau - Sai	(0,25 đ)	

	<p>- Tước quốc tịch là biện pháp trừng phạt của nhà nước đối với công dân nước mình ở nước ngoài khi họ không còn xứng đáng với danh hiệu công dân còn đương nhiên mất quốc tịch không phải là biện pháp trừng phạt mà do pháp luật quy định để tránh tình trạng 2 quốc tịch, công dân của họ đi ra nước ngoài tham gia vào lực lượng vũ trang của nước ngoài hoặc tham gia vào bộ máy chính quyền của nước ngoài và không có ý định trở về nước sinh sống</p>	(0,75 đ)	
	Điểm tổng	10.0	


TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 07 năm 2024

Người duyệt đề



Nguyễn Thị Yên

Giảng viên ra đề



Nguyễn Thị Yên